

**.TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Vũ

Ông Lê Khắc Hiệp

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Yến N, sinh năm 1990, địa chỉ: 175/3 ấp ĐT, xã TP, huyện TP, tỉnh BT. (xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn T, sinh năm 1991, địa chỉ: 33/4 ấp TM, xã MA, huyện TP, tỉnh BT. (vắng mặt không có lí do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2023, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị Yến N trình bày:

Tôi và anh Đặng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã MA cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/9/2013. Cuộc sống hôn nhân của tôi và anh T thời gian gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, vợ chồng hiện nay đã sống ly thân. Do chúng tôi có mâu thuẫn ngày càng nhiều nên tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi yêu cầu được ly hôn anh T, Về con chung tôi yêu cầu được nuôi cháu Đặng Mai Trọng N, sinh ngày 22/9/2013, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản

chung và về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn tôi không có yêu cầu

Trong quá trình tố tụng anh Đặng Văn T vắng mặt nên không có lời trình bày

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Đặng Văn T không đến Tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 53, 56, 81, 82 và Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị Yến N. Chị N không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên đề nghị không xem xét.

Về con chung: Chị N được trực tiếp nuôi con chung Đặng Mai Trọng N, sinh ngày 22/9/2013 (theo nguyện vọng của cháu N). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị N trình bày không có tài sản chung, anh T không có ý kiến về tài sản chung nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị N trình bày không có nợ chung, anh T không có ý kiến về nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Mai Thị Yến N yêu cầu xin ly hôn với anh Đặng Văn T nên căn cứ vào Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”.

[2] Anh Đặng Văn T hiện đang cư trú tại xã MA, huyện TP, tỉnh BT. Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[3] Chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt; anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án

[4] Về hôn nhân: Chị Mai Thị Yến N và anh Đặng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan Nhà nước có thẩm

quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của chị N Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn chị N và anh T có thời gian ngắn sống chung hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên không còn hạnh phúc, thấy mâu thuẫn ngày càng nhiều, không thể sống chung được nên chị N sống ly thân anh T. Theo biên bản xác minh ngày 26/5/2023 của Tòa án đối với ông Đặng Văn B là cha ruột của anh T thì ông B cho biết là giữa chị có mâu thuẫn trong cuộc sống nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hiện chị N và anh T đã sống ly thân. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ để triệu tập anh T tham gia hòa giải và phiên tòa nhưng anh T không đến Tòa án theo nội dung Tòa án đã thông báo và triệu tập. Điều đó chứng tỏ anh T không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N, không muốn vợ chồng hòa giải để đoàn tụ với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ. Phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị N không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về con chung: Chị N và anh T có con chung là cháu tên Đặng Mai Trọng N, sinh ngày 22/9/2013. Chị N có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ lúc chị N và anh T sống ly thân cho đến nay, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu N có nguyện vọng được sống chung với chị N. Do đó, việc chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu nghĩa vụ cấp cấp dưỡng nuôi con chung

[6] Về tài sản chung: Chị N trình bày không có tài sản chung, anh T không có ý kiến về tài sản chung nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị N trình bày không có nợ chung, anh T không có ý kiến về nợ chung nên không xem xét.

[8] Chị N phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị Yến N. Chị N được ly hôn với anh Đặng Văn T.

Chị N không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Chị N được trực tiếp nuôi các con chung tên Đặng Mai Trọng N, sinh ngày 22/9/2013 (theo nguyện vọng của cháu N). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của chị N và anh T có thể yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Chị N trình bày không có tài sản chung, anh T không có ý kiến về tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị N trình bày không có nợ chung, anh T không có ý kiến về nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Mai Thị Yến N phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001979 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

6. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục
THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Mỹ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thúy